

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 24/5/2022
*V/v tranh chấp liên quan đến xử
lý hậu quả khi chấm dứt hợp đồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Thảo
2. Ông Lê Văn Tập

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 08/2022/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2022, về việc “*Tranh chấp liên quan đến xử lý hậu quả khi chấm dứt hợp đồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-DS ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Quốc L – sinh năm: 1965 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1967 (vắng mặt)

Các đương sự đều trú tại: Số 211A đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Thu Y, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 87 đường H, P6, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Hoàng M – sinh năm: 1971 (có mặt).
Địa chỉ: Số 205 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Công ty cổ phần thuốc sát trùng Việt Nam; Địa chỉ: Số 102 đường N, phường Đ, Q1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thê T - sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: T7, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Bà Trịnh Thị Thu Y trình bày:

Ngày 01/01/2014, Công ty cổ phần thuốc sát trùng Việt Nam (Gọi tắt là Công ty VIPESCO) có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC với Đại lý H do ông Nguyễn Hoàng M là chủ đại lý. Theo đó, ông Nguyễn Hoàng M đã không thực hiện theo quy định của Hợp đồng và chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty VIPESCO.

Ngày 03/10/2014, ông Nguyễn Hoàng M được ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L ủy quyền cầm cố tài sản là thửa đất số 128, tờ bản đồ số 23 tại phường T, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195 cấp ngày 12/6/2007 (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 8188, quyền số 10 CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng Đại An);

Ngày 09/10/2014, ông Nguyễn Hoàng M và Công ty VIPESCO ký Phụ lục 01 của Hợp đồng mua bán số 168/HĐMB-VPC ngày 01/01/2014 để cầm cố tài sản mà ông L, bà L đã ủy quyền cho ông M để đảm bảo thanh toán tiền hàng cho Công ty VIPESCO;

Công ty VIPESCO đã ký nhận từ ông Nguyễn Hoàng M bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195 cấp ngày 12/6/2007 căn cứ theo Giấy biên nhận số 1155/GBNTS ngày 09/10/2014.

Đại lý Hoàng M do ông Nguyễn Hoàng M đại diện đã không có khả năng trả tiền hàng cho Công ty VIPESCO nên bị Công ty VIPESCO khởi kiện. Ông Nguyễn Hoàng M có hứa sẽ trả tiền hàng cho Công ty VIPESCO khi có điều kiện. Đồng thời, ông Nguyễn Hoàng M đã không đồng ý xử lý tài sản để trả tiền cho Công ty VIPESCO.

Căn cứ Điều 563 Bộ luật dân sự 2015 “Thời hạn ủy quyền do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định; nếu không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định thì hợp đồng ủy quyền có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày xác lập việc ủy quyền”. Hợp đồng ủy quyền số công chứng 8188, quyền số 10 CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng Đại An ngày 03/10/2014 mà ông L, bà L ký ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng M thời hạn ủy quyền là 05 (năm) năm kể từ ngày 03/10/2014 đến ngày 03/10/2019. Đến thời điểm Công ty VIPESCO nộp đơn yêu cầu thi hành án ngày 08/10/2019 và có Quyết định thi hành án số 172/QĐ-CCTHADS ngày 22/10/2019 đã quá thời hạn ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng M. Do đó, Hợp đồng ủy quyền chấm dứt do hết hiệu lực hợp đồng.

Hơn nữa, căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền của ông L, bà L với ông Nguyễn Hoàng M có thể hiện rõ nội dung: “Bằng hợp đồng này bên A đồng ý ủy quyền cho bên B được toàn quyền và thay mặt bên A để cầm cố tài sản nói trên khi bên B mua hàng của Công ty cổ phần thuốc sát trùng Việt Nam nhưng chưa trả được tiền. Bên B có quyền xử lý tài sản nói trên để trả nợ trong trường hợp bên B không trả được tiền cho công ty đã cầm cố”. Tuy nhiên trong Phụ lục 01 của Hợp đồng mua

bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC ngày 09/10/2014 giữa ông Nguyễn Hoàng M và Công ty VIPESCO lại ghi rõ: “ngày 09/10/2014 Bên A có nhận tài sản thế chấp của Bên B số AH 980195; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: H01506, diện tích: 65m² của ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L cấp ngày 12/6/2007 ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng M toàn quyền sử dụng”.

Căn cứ Điều 309 Bộ luật dân sự 2015: “Cầm cố tài sản là việc một bên giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”. Điều 317 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia”.

Bởi lẽ trên, điều này là hoàn toàn sai với phạm vi ủy quyền mà ông L, bà L đã lập với ông Nguyễn Hoàng M. Ông L, bà L đã yêu cầu ông Nguyễn Hoàng M làm việc với Công ty VIPESCO để trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195 cấp ngày 12/6/2007 theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 8188, quyền số 10 CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng Đại An ngày 03/10/2014.

Đến nay vụ việc giữa ông Nguyễn Hoàng M và Công ty VIPESCO đã được Chi cục thi hành án Tp. Buôn Ma Thuột giải quyết, ra Quyết định số 111/QĐ-CCTHADS ngày 23/4/2020 nhưng ông Nguyễn Hoàng M không có tài sản để thi hành.

Từ những gì trình bày trên, tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng M phối hợp với Công ty VIPESCO trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195 do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 12/6/2007 thửa đất số 128, tờ bản đồ 23 tại phường T, thành phố B cho ông L, bà L theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày:

Ngày 01/01/2014, Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (gọi tắt là VIPESCO) và Đại lý Hoàng M (do tôi làm chủ đại lý) ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC ngày 01/01/2014. Theo đó, Đại lý Hoàng M đồng ý mua các loại hàng hóa do VIPESCO sản xuất và phân phối.

Vào ngày 03/10/2014 giữa ông Trần Quốc L, bà Nguyễn Thị Kim L với tôi có kí hợp đồng ủy quyền số công chứng 8188, quyền số 10 CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng Đại An có nội dung như sau: “Bằng hợp đồng này bên A đồng ý ủy quyền cho bên B được toàn quyền và thay mặt bên A để cầm cố tài sản nói trên khi bên B mua hàng của Công ty cổ phần thuốc sát trùng Việt Nam nhưng chưa trả được tiền. Bên B có quyền xử lý tài sản nói trên để trả nợ trong trường hợp bên B không trả được tiền cho công ty đã cầm cố; thời hạn ủy quyền là 05 (năm) kể từ ngày Hợp đồng được công chứng”, tức từ ngày 03/10/2014 đến 03/10/2019.

Ngày 09/10/2014, VIPESCO và Đại lý Hoàng M đã ký kết Phụ lục 01 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC. Phụ lục này ghi nhận: “Hôm nay, ngày 09/10/2014 Bên A có nhận tài sản thế chấp của Bên B số AH 980195; Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: H01506, diện tích: 65m² của ông Trần

Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L cấp ngày 12/6/2007 ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng M toàn quyền sử dụng”.

Căn cứ Điều 309 Bộ luật dân sự 2015 “Cầm cố tài sản là việc một bên giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”. Điều 317 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia”.

Việc tôi sử dụng tài sản được ủy quyền từ ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L để thế chấp cho VIPESCO là vượt quá phạm vi ủy quyền giữa ông L, bà L với tôi. Hơn nữa, việc tôi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho VIPESCO được đề cập trong phụ lục hợp đồng là hoàn toàn sai đối tượng được nhận thế chấp, sai hình thức ký kết hợp đồng thế chấp theo quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai 2013 đối tượng được nhận thế chấp là các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam. Khoản 3, Điều 167 Luật Đất đai 2013 nêu rõ “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực; Việc công chứng thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng, việc chứng thực được thực hiện tại UBND xã, phường”.

Bởi những quy định trên, việc thế chấp tài sản phải đúng đối tượng và được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực. Tuy nhiên trên thực tế, giữa tôi và VIPESCO lại ghi nhận thông qua Phụ lục 01 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC và một giấy biên nhận số 1155/GBNTS được lập vào ngày 09/10/2014. Việc này là hoàn toàn sai về đối tượng lẫn hình thức của hợp đồng theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 117, 123 Bộ luật dân sự 2015 về giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, khoản 2 Điều 117, 122, 129, 130 Bộ luật dân sự 2015 giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ về hình thức cho nên Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC ngày 09/10/2014 giữa tôi với VIPESCO hoàn toàn vô hiệu. Căn cứ theo khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự 2015 khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Vì vậy, tôi thống nhất với nguyên đơn là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty VIPESCO trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tôi có thể hoàn thành nghĩa vụ với ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L. Trường hợp VIPESCO không đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị L, tôi yêu cầu Tòa án đưa vụ việc ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Phan Thế T trình bày:

Ngày 01/01/2014, Công ty chúng tôi có ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC với Đại lý Hoàng M do ông Nguyễn Hoàng M là chủ đại lý.

Theo đó, ông Nguyễn Hoàng M đã không thực hiện theo quy định của Hợp đồng và chưa thanh toán tiền hàng cho chúng tôi.

Ngày 03/10/2014, ông Nguyễn Hoàng M được ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L ủy quyền cầm cố tài sản là Thửa đất số 128, tờ bản đồ số 23 tại phường T, thành phố B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195 cấp ngày 12/6/2007 (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 8188, quyền số 10 CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng Đại An).

Ngày 09/10/2014, ông Nguyễn Hoàng M và chúng tôi tiếp tục ký Phụ lục 01 của Hợp đồng mua bán số 168/HĐMB-VPC ngày 01/01/2014, thế chấp tài sản của ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L đã ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng M để đảm bảo thanh toán tiền hàng của Hợp đồng nêu trên và có ký nhận Giấy biên nhận số 1155/GBNTS về việc nhận bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195 cấp ngày 12/6/2007 từ ông Nguyễn Hoàng M.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Đại lý Hoàng M do ông Nguyễn Hoàng M đại diện đã không có khả năng trả tiền hàng cho chúng tôi nên chúng tôi đã khởi kiện.

Ngày 23/4/2020 Chi cục thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột đã giải quyết và ra Quyết định số 111/QĐ-CCTHADS, nhưng ông Nguyễn Hoàng M không có tài sản để thi hành. Do ông Nguyễn Hoàng M không có tài sản thi hành mà cơ sở đảm bảo duy nhất cho việc thanh toán tiền hàng chỉ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 12/6/2007 thửa đất số 128, tờ bản đồ 23 tại phường T, thành phố B của ông L, bà L mà chúng tôi đang giữ. Vì vậy, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý hòa giải, yêu cầu Tòa án đưa vụ việc ra xét xử và giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông Trần Quốc L, bà Nguyễn Thị Kim L và bị đơn ông Nguyễn Hoàng M là tranh chấp liên quan đến xử lý hậu quả khi chấm dứt hợp đồng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Buôn Ma Thuột nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ngày 01/01/2014, Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam (gọi tắt là VIPESCO) và Đại lý Hoàng M (do ông Nguyễn Hoàng M làm chủ đại lý) ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC ngày 01/01/2014. Theo đó, Đại lý Hoàng M đồng ý mua các loại hàng hóa do VIPESCO sản xuất và phân phối.

Ngày 03/10/2014 giữa nguyên đơn ông Trần Quốc L, bà Nguyễn Thị Kim L và bị đơn ông Nguyễn Hoàng M có kí hợp đồng ủy quyền số công chứng 8188, quyền số 10 CC-SCC/HĐGD ký tại Văn phòng công chứng Đại An có nội dung

như sau: “*Bằng hợp đồng này bên A đồng ý ủy quyền cho bên B được toàn quyền và thay mặt bên A để cầm cố tài sản nói trên khi bên B mua hàng của Công ty cổ phần thuốc sát trùng Việt Nam nhưng chưa trả được tiền. Bên B có quyền xử lý tài sản nói trên để trả nợ trong trường hợp bên B không trả được tiền cho công ty đã cầm cố; thời hạn ủy quyền là 05 (năm) kể từ ngày Hợp đồng được công chứng*”.

Ngày 09/10/2014, VIPESCO và Đại lý Hoàng M đã ký kết Phụ lục 01 của Hợp đồng mua bán hàng hóa số 168/HĐMB-VPC. Phụ lục này ghi nhận: “*Hôm nay, ngày 09/10/2014 Bên A có nhận tài sản thế chấp của Bên B số AH 980195; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: H01506, diện tích: 65m² của ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L cấp ngày 12/6/2007 ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng M toàn quyền sử dụng*”.

[2.2] Xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa VIPESCO và Đại lý Hoàng M ký kết là vượt quá phạm vi ủy quyền theo sự thỏa thuận giữa ông M và vợ chồng ông L, bà L. Mặt khác, việc các bên thực hiện hợp đồng thế chấp tại Phụ lục 01 của Hợp đồng mua bán hàng hóa là không phù hợp về mặt hình thức theo quy định, nên giao dịch trên bị vô hiệu cả về mặt hình thức và nội dung, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngoài ra, tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 13/2019/QĐST-KDTM ngày 26/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cũng không xử lý tài sản đối với thỏa thuận thế chấp mà các bên đã ký kết tại phụ lục hợp đồng mua bán nên việc công ty VIPESCO giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195 cũng không có ý nghĩa trong quá trình thi hành án.

[2.3] Như vậy, tính đến thời điểm khởi kiện ngày 10/01/2022, hợp đồng ủy quyền ngày 03/10/2014 giữa nguyên đơn ông Trần Quốc L, bà Nguyễn Thị Kim L và bị đơn ông Nguyễn Hoàng M đã chấm dứt theo Điều 2 của Hợp đồng. Trong thời gian thực hiện hợp đồng ủy quyền, các bên không tiến hành cầm cố tài sản theo đúng quy định nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Khi hợp đồng ủy quyền chấm dứt, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là phù hợp. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công ty VIPESCO có nghĩa vụ trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195, tại thửa đất số 128, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường T, thành phố B do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 12/6/2007 cho ông Trần Quốc L, bà Nguyễn Thị Kim L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M và Công ty cổ phần thuốc sát trùng Việt Nam mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trần Quốc L, bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông L, bà L số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng do ông Trần Xuân H đã nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2021/0012024 ngày 14/12/2021.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 123; Điều 309; Điều 310; Điều 319; Điều 422 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc ông Nguyễn Hoàng M và Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam phải trả lại cho ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L 01 (một) Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 980195, tại thửa đất số 128, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại phường T, thành phố B do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 12/6/2007 cho ông Trần Quốc L và bà Nguyễn Thị Kim L.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Hoàng M và Công ty cổ phần thuốc sát trùng Việt Nam mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Quốc L, bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông L, bà L số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng do ông Trần Xuân H đã nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai số AA/2021/0012024 ngày 14/12/2021.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

